

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân.

Bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Loan - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2022/TLST- HN&GD ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1994;

ĐKKHKT: thôn P, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: thôn N, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990;

ĐKKHKT và chỗ ở: thôn P, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(*Chị L có đơn xin xử vắng mặt, anh T có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/3/2022 và bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 11/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng gia đình anh Tuyển tại thôn P, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01

năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh T là người kỹ tính, luôn áp đặt cuộc sống của chị. Thời gian mẹ chồng chị ốm chị cũng là người chăm sóc, tuy nhiên anh T và bố chồng luôn trách móc chị. Sau khi mẹ chồng chị mất cuộc sống giữa vợ chồng chị và bố chồng luôn có sự bất đồng nên chị cảm thấy rất mệt mỏi. Đến tháng 8/2019 cuộc sống của vợ chồng vô cùng bế tắc, không chịu đựng được chị đã bỏ về Bắc Giang sống đến nay. Trong thời gian chị về Bắc Giang vào ngày nghỉ lễ anh T cũng đưa con lên Bắc Giang chơi, vợ chồng nói chuyện nhưng không có sự hòa hợp nên chị không về đoàn tụ cùng anh T. Anh T nói là muốn đoàn tụ cùng chị, mong chị suy nghĩ lại nhưng thường xuyên gọi điện nhắn tin và lấy sự sống của anh T và con ra để đe dọa chị, khiến chị rất mệt mỏi, áp lực. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/10/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2022 và trong quá trình tố tụng bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Lệ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 11/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng gia đình anh tại thôn P, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Sau khi cãi nhau anh đã xin lỗi và nói chuyện với chị L để vợ chồng hiểu nhau nhưng chị L thường cáu gắt với anh, không biết nhận lỗi và sửa sai. Đến tháng 8/2020 chị L bỏ đi có viết giấy gửi lại cho anh, thời gian đó anh đang làm việc tại Yên Bái. Anh đã về nhà bố mẹ để chị L tìm gặp chị L nhưng chị L không muốn gặp anh, anh nhờ gia đình chị L khuyên bảo chị L nhưng cũng không được nhưng chị L không muốn đoàn tụ cùng anh. Đến nay, anh biết chị L không còn yêu thương anh nhưng vì con anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con trưởng thành. Anh đề nghị Tòa án cho anh thời gian để anh khuyên giải chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/10/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng anh. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi cháu H, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh 2.000.000 đồng/tháng anh nhất trí.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 anh T không có quan điểm về con chung cũng như yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn M (bố đẻ anh T), ông Mong trình bày:

Chị L và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2013 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng gia đình ông. Trong quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, có những lời nói không tôn trọng nhau. Tháng 8/2019 chị L bỏ đi không quan tâm đến anh T. Gia đình ông cũng không biết chị L ở đâu. Bố mẹ chị L cũng biết mâu thuẫn vợ chồng cũng khuyên bảo chị L nhưng chị L không nghe và không về đoàn tụ cùng anh T. Ông cũng đã hết sức khuyên bảo chị L về đoàn tụ cùng anh T nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L xin ly hôn anh Tuyền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ông Đinh Xuân Đ – Trưởng thôn P, xã N, thành phố Hải Dương cho biết: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có HKTT tại: thôn P, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Về mâu thuẫn giữa chị L và anh cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, chỉ biết chị L đã đi khỏi địa phương từ tháng 8/2019 đến nay. Hiện nay anh T sống cùng con trai và bố đẻ.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xử vắng mặt và có quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn T; về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/10/2014, chị đồng ý để anh T nuôi cháu Huy và chị tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng 2.000.000 đồng/tháng.

Anh T trình bày: anh không nhất trí ly hôn, về con chung anh chưa có ý kiến, anh đồng ý chị L cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/tháng. Anh đề nghị Tòa án cho anh 2 tháng để anh trao đổi với chị L để vợ chồng đoàn tụ.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*** Hướng giải quyết vụ án:**

Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/10/2014 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Chị L tự nguyện

cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Tuyển 2.000.000 đồng/ tháng.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì bị đơn là anh Nguyễn Văn T trú tại: thôn P, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/2013, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T đã phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn thương yêu, tôn trọng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án chị Lê xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, hôn nhân không có tình yêu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị L và anh muốn cho con anh một gia đình có bố và mẹ.

[5] Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lê đối với anh T là có cơ sở. Quan điểm của anh Tuyển không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[6] Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có 01

con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/10/2014. Anh T và chị L đều có quan điểm giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 và tại phiên tòa anh T không có quan điểm về con chung. Xét thấy hiện tại cháu H đang sống cùng anh T, chị L có quan điểm giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, cần căn cứ các điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên.

[7] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh T đã đồng ý về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy quan điểm của chị L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho con, nên cần chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[9] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp

dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 12/12/2014 cùng anh T là 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng bằng 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d theo biên lai số AA/2020/0001945 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/7/2022.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự tp. Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Thiện